

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục 1.851 thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích và Danh mục 45 thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 172/TTr-SKHCN ngày 29 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục 1.851 thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích và Danh mục 45 thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (Phụ lục I, II kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đăng tải công khai Quyết định phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích và Danh mục thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và niêm yết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, địa phương và niêm yết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công để cá nhân, tổ chức biết lựa chọn, thực hiện. Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích và Danh mục thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh.

b) Theo dõi, chỉ đạo thực hiện cấu hình các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Phòng: KGVX, HC-QT, Ngoại vụ;
- Lưu: VT, 09.PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN
TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BUƯ CHÍNH
CÔNG ÍCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

I. SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN
HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BUƯ CHÍNH CÔNG ÍCH

STT	Tên cơ quan	Số TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua BCCI	Ghi chú
1	Sở Tư pháp	185	
2	Sở Xây dựng	184	
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	179	
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	382	
5	Sở Nội vụ	142	
6	Sở Công Thương	305	
7	Sở Tài chính	132	
8	Sở Y tế	99	
9	Sở Dân tộc và Tôn giáo	35	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	192	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	03	
12	Thanh tra tỉnh	09	
13	Văn phòng UBND tỉnh	04	
	Tổng cộng	1.851	

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BUƯ CHÍNH CÔNG ÍCH TỪNG SỞ NGÀNH CẤP TỈNH

1. SỞ TƯ PHÁP

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	
2	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	
3	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	
4	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	
5	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	
6	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	
7	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
8	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
9	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
10	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	
11	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	
12	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	
13	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
14	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
15	Sáp nhập công ty luật	
16	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	
17	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	
18	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	
19	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
20	Bỏ nhiệm công chứng viên	
21	Bổ nhiệm lại công chứng viên	
22	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
23	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	
24	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	
25	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	
26	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
27	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
28	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	
29	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	
30	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	
31	Cấp Thẻ công chứng viên	
32	Cấp lại Thẻ công chứng viên	
33	Thu hồi Thẻ công chứng viên	
34	Thành lập Văn phòng công chứng	
35	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	
36	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	
37	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	
38	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	
39	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	
40	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	
41	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	
42	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	
43	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	
44	Chuyển đổi Văn phòng công chứng	
45	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	
46	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
47	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	
48	Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	
49	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	
50	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	
51	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	
52	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
53	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
54	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
55	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	
56	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	
57	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	
58	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	
59	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	
60	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	
61	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	
62	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	
63	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	
64	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	
65	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	
66	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	
67	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
68	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
69	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
70	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
71	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	
72	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	
73	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
74	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
75	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	
76	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
77	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	
78	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
79	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
80	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	
81	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	
82	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	
83	Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	
84	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
85	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	
86	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
87	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	
88	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	
89	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
90	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	
91	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập	
92	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	
93	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
94	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	
95	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập.	
96	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh	
97	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	
98	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	
99	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	
100	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
101	Thủ tục chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	
102	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	
103	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	
104	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	
105	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với luật sư	
106	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	
107	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	
108	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
109	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	
110	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	
111	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	
112	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	
113	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	
114	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	
115	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	
116	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	
117	Thủ tục thôi quốc tịch Việt nam ở trong nước	
118	Thủ tục cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt nam ở trong nước	
119	Thủ tục xác nhận thông tin Hộ tịch	
120	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	
121	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	
122	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	
123	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	
124	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	
125	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	
126	Bổ nhiệm Thừa phát lại	
127	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	
128	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
129	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	
130	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	
131	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài	
132	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	
133	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	
134	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	
135	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	
136	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	
137	Bổ nhiệm lại Thừa phát lại	
138	Thủ tục phục hồi danh dự	
139	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường	
140	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	
141	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	
142	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	
143	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	
144	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	
145	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	
146	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	
147	Hợp nhất công ty luật	
148	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	
149	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	
150	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	
151	Thủ tục Đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	
152	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	

2. SỞ XÂY DỰNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	
2	Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	
3	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	
4	Thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng	
5	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	
6	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	
7	Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	
8	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	
9	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	
10	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	
11	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	
12	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	
13	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	
14	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	
15	Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	
16	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	
17	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương	
18	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận đầu tư chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương	
19	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư	
	Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản	
20	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	
21	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	
22	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	
23	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	
24	Đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
25	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	
26	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản	
27	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	
28	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	
29	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn)	
	Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình	
30	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	
31	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	
32	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	
	Lĩnh vực Vật liệu xây dựng	
33	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	
	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng kiến trúc	
34	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	
35	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)	
36	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
37	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	
38	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	
39	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	
	Lĩnh vực Giám định tư pháp	
40	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	
41	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng (Tên trên CSDL Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương)	
	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng	
42	Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng/chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình	
43	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
44	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
45	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
46	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	
47	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	
48	Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	
49	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	
50	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	
51	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án).	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
52	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	
53	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	
	Lĩnh vực Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	
54	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	
55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	
56	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)	
57	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	
	Lĩnh vực Hàng hải và đường thủy nội địa	
58	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	
59	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	
60	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	
61	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển	
62	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	
63	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	
64	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	
65	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
66	Đổi tên cảng cạn	
67	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	
68	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	
69	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	
70	Cấp, nhận cấp khả lại, năng chuyên chuyên môn, đổi giấy chứng chứng chỉ chuyên môn	
71	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	
72	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	
73	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	
74	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	
75	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ	
76	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	
77	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	
78	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	
79	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	
80	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	
81	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	
82	Thiết lập khu neo đậu	
83	Công bố hoạt động khu neo đậu	
84	Công bố đóng khu neo đậu	
85	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	
86	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	
87	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	
88	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	
89	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	
90	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	
91	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	
92	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
93	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	
94	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến ĐTNĐ, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	
95	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	
96	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	
97	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	
98	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển	
	Lĩnh vực Đường bộ	
99	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	
100	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	
101	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	
102	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sở TAD	
103	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	
104	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	
105	Đăng ký, ngừng khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	
106	Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	
107	Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	
108	Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	
109	Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	
110	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	
111	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
112	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	
113	Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	
114	Chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	
115	Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
116	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	
117	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	
118	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	
119	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	
120	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	
121	Công bố lại bến xe khách	
122	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
123	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	
124	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	
125	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	
126	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	
127	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	
128	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	
129	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	
130	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	
131	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	
132	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	
133	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	
134	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	
135	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	
	Lĩnh vực Đăng kiểm	
136	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	
137	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	
138	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
139	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	
140	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	
141	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	
142	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	
	Lĩnh vực du lịch	
143	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	
144	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	
145	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	

3. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
A	VĂN HÓA	
	Lĩnh vực Di sản văn hóa	
1	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	
2	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	
3	Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	
4	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	
5	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	
6	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	
7	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	
8	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	
9	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	
10	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	
11	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	
12	Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	
15	Cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	
16	Lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng).	
17	Lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy Phép xây dựng)	
	Lĩnh vực Điện ảnh	
18	Cấp Giấy phép phân loại phim	
	Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	
19	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	
20	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
21	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	
22	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	
23	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	
24	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	
25	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	
26	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	
27	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	
28	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	
29	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	
30	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	
	Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn	
31	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	
32	Tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	
33	Tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	
34	Ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	
	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	
35	Đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	
36	Thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	
37	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	
38	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	
39	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	
40	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	
	Lĩnh vực Quảng cáo	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
41	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	
42	Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	
43	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	
44	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	
45	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	
	Lĩnh vực Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa	
46	Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	
47	Kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi nhập khẩu cấp tỉnh	
48	Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	
49	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	
	Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng	
50	Xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”	
51	Xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”	
52	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	
53	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	
54	Xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật	
55	Xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật	
	Lĩnh vực Gia đình	
56	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	
57	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	
58	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	
	Hợp tác quốc tế	
59	Cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	
60	Cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	
61	Gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	
B	THỂ THAO	
62	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	
63	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	
64	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	
65	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	
66	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	
67	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	
68	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
69	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	
70	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	
71	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	
72	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	
73	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	
74	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	
75	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	
76	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	
77	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	
78	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	
79	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	
80	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	
81	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
82	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	
83	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	
84	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	
85	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	
86	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	
87	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	
88	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	
89	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	
90	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	
91	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	
92	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	
93	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	
94	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	
95	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	
96	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	
C	DU LỊCH	
	Lữ hành	
97	Công nhận điểm du lịch	
98	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	
99	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	
100	Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	
101	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	
102	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
103	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	
104	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	
105	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	
106	Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	
107	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	
108	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	
109	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	
110	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	
111	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	
112	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	
113	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	
114	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	
115	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	
116	Công nhận khu du lịch cấp tỉnh	
	Dịch vụ du lịch khác	
117	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
118	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
119	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
120	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
121	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
122	Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	
D	BÁO CHÍ XUẤT BẢN	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử	
123	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	
124	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	
125	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	
126	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	
127	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	
128	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	
129	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	
130	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	
131	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	
132	Cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	
133	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	
134	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	
135	Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	
136	Cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	
137	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	
138	Cấp lại Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	
	Lĩnh vực Báo chí	
139	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	
140	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	
141	Cho phép hợp báo (trong nước)	
142	Cho phép hợp báo (nước ngoài)	
143	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	
144	Cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	
145	Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
146	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	
147	Cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	
148	Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	
149	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	
150	Cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	
151	Chấp thuận thay đổi nội dung trong giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	
152	Tiếp nhận đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	
	Lĩnh vực Xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm	
153	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	
154	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	
155	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	
156	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	
157	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	
158	Cấp giấy phép hoạt động in	
159	Cấp lại giấy phép hoạt động in	
160	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	
161	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	
162	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	
163	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	
164	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	
165	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	
166	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	
167	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	
168	Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	
169	Điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	
	Lĩnh vực thông tin đối ngoại	
170	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	

4. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật	
1	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	
2	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	
6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	
7	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	
8	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	
9	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	
10	Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	
11	Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	
12	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón.	
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón.	
15	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón.	
16	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu.	
	Lĩnh vực Trồng trọt	
17	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	
18	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	
19	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	
20	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	
21	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	
22	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	
23	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
24	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	
25	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	
26	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.	
27	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng.	
28	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.	
29	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ.	
30	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.	
31	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc.	
32	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.	
33	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	
34	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.	
35	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng	
36	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng).	
37	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại.	
	Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường	
38	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	
39	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	
40	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
41	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	
42	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	
	Lĩnh vực Thú y	
43	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	
44	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	
45	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh	
46	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	
47	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	
48	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	
49	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	
50	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm vắc xin)	
51	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của cơ quan, tổ chức (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	
52	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp có thay đổi về địa điểm, quy mô, chủng loại, loại hình nghiên cứu, sản xuất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	
53	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	
54	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	
55	Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	
56	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	
57	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
58	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	
59	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	
60	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	
61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	
	Lĩnh vực Thủy sản	
62	Xác nhận nguồn gốc loài Thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài Thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	
63	Xác nhận nguồn gốc loài Thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài Thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	
64	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	
65	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống Thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống Thủy sản bố mẹ và giống Thủy sản không phải là giống Thủy sản bố mẹ)	
66	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng Thủy sản (theo yêu cầu)	
67	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng Thủy sản lồng bè, đối tượng Thủy sản nuôi chủ lực	
68	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác Thủy sản	
69	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	
70	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	
71	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn Thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng Thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	
72	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	
73	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	
74	Xóa đăng ký tàu cá	
75	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
76	Công bố mở cảng cá loại 2	
77	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	
78	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	
79	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	
80	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	
81	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	
82	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	
83	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá	
84	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	
85	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	
86	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý)	
87	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	
88	Công bố mở cảng cá loại I	
89	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	
90	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)	
91	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	
92	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	
	Lĩnh vực Thủy lợi	
93	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	
94	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	
95	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
96	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
97	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
98	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
99	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
100	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
101	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
102	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
103	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
104	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
105	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
106	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
107	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	
108	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	
109	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	
110	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	
111	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	
	Lĩnh vực Đê điều và Phòng chống thiên tai	
112	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	
113	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ.	
114	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
115	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh	
	Lĩnh vực Kiểm lâm	
116	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	
117	Xác nhận bảng kê lâm sản	
	Lĩnh vực Lâm nghiệp	
118	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	
	Lĩnh vực Kiểm lâm và Lâm nghiệp	
119	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	
120	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng	
121	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	
122	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	
123	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
124	Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	
125	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	
126	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	
127	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	
128	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	
129	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	
130	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	
131	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	
132	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	
133	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	
134	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	
135	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	
136	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	
137	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	
138	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	
139	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	
140	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc phụ lục Công ước CITES	
141	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	
142	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	
	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	
143	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
144	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
145	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
146	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
147	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005	
148	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
149	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	
150	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	
151	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	
152	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	
	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	
153	Công nhận làng nghề truyền thống	
154	Công nhận nghề truyền thống	
155	Công nhận làng nghề	
156	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	
157	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	
158	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	
	Lĩnh vực Chăn nuôi	
159	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	
160	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	
161	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	
162	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	
163	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	
164	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	
165	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
166	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	
167	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
168	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	
169	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	
170	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	
171	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	
172	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	
173	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	
174	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	
175	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	
	Lĩnh vực Địa chất và khoáng sản	
176	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	
177	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	
178	Cấp lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	
179	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	
180	Điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản	
181	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	
182	Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	
183	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	
184	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	
185	Cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản	
186	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	
187	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản	
188	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản	
189	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	
190	Cấp đổi Giấy phép khai thác khoáng sản	
191	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	
192	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	
193	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	
194	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	
195	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
196	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	
197	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	
198	Điều chỉnh Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	
199	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	
200	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	
201	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	
202	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	
203	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	
204	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	
205	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	
206	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	
207	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	
208	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	
209	Chấp thuận thăm dò tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV	
210	Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV	
	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	
211	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	
212	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	
213	Cấp giấy phép khai thác loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	
214	Đăng ý tiếp cận nguồn gen	
215	Cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen	
216	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	
217	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	
218	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận	
219	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	học	
220	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	
221	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	
	Lĩnh vực Tài nguyên nước	
222	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	
223	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	
224	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	
225	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	
226	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	
227	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	
228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	
229	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	
230	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	
231	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	
232	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	
233	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	
234	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	
235	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)	
236	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	
237	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	
238	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (cấp tỉnh)	
239	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước	
240	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước	
241	Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
242	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (cấp tỉnh)	
243	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	
244	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	
245	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	
	Lĩnh vực Khí tượng thủy văn	
246	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	
247	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	
248	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	
249	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh.	
250	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh.	
	Lĩnh vực Đất đai	
251	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	
252	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	
253	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	
254	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	
255	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	
256	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	
257	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	
258	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
259	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	
260	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
261	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.	
262	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	
263	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	
264	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	
265	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	
266	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	
267	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	
268	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	
269	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	
270	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	
271	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
272	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	
273	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	
274	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	
275	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	
276	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
277	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014	
278	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	
279	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	
280	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
281	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	
282	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	
283	Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất	
	Lĩnh vực Môi trường	
284	Cấp giấy phép môi trường	
285	Cấp đổi giấy phép môi trường	
286	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	
287	Cấp lại giấy phép môi trường	
288	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	
289	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	
	Lĩnh vực Phí, lệ phí	
290	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	
	Lĩnh vực Biển và Hải đảo	
291	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	
292	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	
293	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	
294	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	
295	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	
296	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	
297	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	
298	Trả lại Giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	
299	Cấp lại Giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	
300	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử	
	Lĩnh vực Tổng hợp	
301	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)	
	Lĩnh vực Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
302	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
303	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	
	Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng	
304	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) (Thay thế thủ tục tại Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng)	
	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng	
305	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	
306	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	
	Lĩnh vực Quản lý công sản	
307	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	
308	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	
309	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	
310	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	
	Lĩnh vực Đường bộ (Sở Xây dựng trình công bố)	
311	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	
312	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	
313	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	
	Lĩnh vực Đường thủy nội địa (Sở Xây dựng trình công bố)	
314	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	
315	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	
316	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	
	Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm	
317	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	
318	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	liền với đất	
319	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
320	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
321	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
	Lĩnh vực Ứng phó sự cố tràn dầu	
322	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương	
323	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng tại địa phương, các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ dưới 50.000m ³ , các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT	
	Lĩnh vực Nhà ở và công sở	
324	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	
	Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm	
325	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	

5. SỞ NỘI VỤ

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực quản lý nhà nước về quỹ	
1	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	
2	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	
3	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	
4	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	
5	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	
6	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	
7	Quỹ tự giải thể	
	Lĩnh vực quản lý nhà nước về hội	
8	Công nhận ban vận động thành lập hội	
9	Thành lập hội	
10	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	
11	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	
12	Chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội	
13	Hội tự giải thể	
14	Cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện	
15	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	
	Lĩnh vực công tác thanh niên	
16	Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	
17	Giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	
18	Thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	
	Lĩnh vực lao động, tiền lương, quan hệ lao động	
19	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	
20	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể	
21	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
22	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
23	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
24	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
25	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	
26	Tuyển chọn chuyên gia	
	Lĩnh vực người có công	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
27	Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng	
28	Lấy mẫu để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin	
29	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ	
30	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	
31	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
32	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	
33	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	
34	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	
35	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	
36	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	
37	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
38	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
39	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	
40	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
41	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	
42	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
43	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	
44	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
45	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
46	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
47	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	
48	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	
49	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Cam-pu-chia	
50	Thủ tục giải quyết một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
51	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	
52	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	
53	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	
54	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	
55	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tính quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	
56	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	
57	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	
58	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hàng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	
59	Hưởng lại chế độ ưu đãi	
60	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	
61	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	thường trú	
62	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	
63	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	
64	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	
65	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	
66	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	
67	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	
	Lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động	
68	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	
69	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động Xhạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	
70	Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	
71	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	
72	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	
73	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
74	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	
75	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	
	Lĩnh vực việc làm	
76	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
77	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
78	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
79	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
80	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
81	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
82	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	
83	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	
84	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	
85	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	
86	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	
87	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	
88	Giải quyết hỗ trợ học nghề	
89	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	
90	Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng	
91	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	
92	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
93	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
94	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
95	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
96	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
	Lĩnh vực lưu trữ nhà nước	
97	Sử dụng tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
98	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ	
99	Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt	
	Lĩnh vực lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội	
100	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	
101	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	
	Lĩnh vực quản lý lao động nước ngoài	
102	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	
103	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	
104	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	
105	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	
106	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên	
107	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài	
108	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài	
109	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên)	
110	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	
111	Xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	
112	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	
	Lĩnh vực công chức, viên chức	
113	Thi tuyển công chức	
114	Xét tuyển công chức	
115	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	
116	Thi tuyển viên chức	
117	Xét tuyển viên chức	
118	Tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	
	Lĩnh vực thi đua - khen thưởng	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
119	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	
120	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	
	Lĩnh vực chính sách	
121	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	
122	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	

6. SỞ CÔNG THƯƠNG

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	
7	Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
8	Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
9	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
10	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	
11	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	
12	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	
	Lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động	
13	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	
14	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	
	Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	
15	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	
	Lĩnh vực chất lượng sản phẩm hàng hóa	
16	Cấp Quyết định thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	
17	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	
18	Cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	
	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
19	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	
	Lĩnh vực Công nghiệp nặng	
20	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	
	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng	
21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
23	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
24	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
25	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
26	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
27	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	
28	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	
29	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	
30	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	
31	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	
32	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	
33	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	
34	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	
35	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	
36	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	
37	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	
38	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	
	Lĩnh vực dầu khí	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
39	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn thuộc thẩm quyền của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
	Lĩnh vực Điện	
40	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
41	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
42	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
43	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
44	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	
45	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	
46	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
47	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
48	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	
	Lĩnh vực Điện lực	
49	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	
50	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	
51	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	
52	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	
53	Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	
	Lĩnh vực Giám định thương mại (02)	
54	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	
55	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	
	Lĩnh vực Hóa chất	
56	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
57	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
58	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
59	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
60	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
61	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
62	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
63	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
64	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
65	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	
66	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	
67	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	
68	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	
69	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	
70	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	
71	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	
72	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	
73	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	
74	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	
75	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	
76	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	
77	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	
78	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	
79	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	
80	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	
81	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
82	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	
83	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	
84	Cấp Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	
	Lĩnh vực Khoa học công nghệ (01)	
85	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	
	Lĩnh vực Khoáng sản	
86	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	
87	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	
88	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	
	Lĩnh vực Kinh doanh khí	
89	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	
90	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	
91	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	
92	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
93	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
94	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
95	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
96	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
97	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
98	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
99	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
100	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
101	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
102	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
103	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	doanh mua bán LNG	
104	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
105	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
106	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
107	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
108	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
109	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
110	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	
111	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	
112	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	
113	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG.	
114	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	
115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	
116	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG.	
117	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG.	
118	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG.	
119	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG.	
120	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG.	
121	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG.	
122	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG.	
123	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG.	
124	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG.	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
125	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.	
126	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.	
127	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.	
	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	
128	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
129	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
130	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
131	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
132	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
133	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
134	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
135	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
136	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
137	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	
138	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	
139	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	
140	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
141	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
142	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
143	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
144	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
145	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
146	Cấp Giấy phép phân phối rượu.	
147	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu.	
148	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu.	
149	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	
150	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	
151	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	
	Lĩnh vực Nghề thủ công mỹ nghệ	
152	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh	
	Lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp	
153	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	
154	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	
155	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	
156	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	
157	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	
158	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	
159	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	
	Lĩnh vực Quản lý xuất nhập cảnh	
160	Cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương	
161	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	
162	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	
	Lĩnh vực thương mại điện tử	
163	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	
164	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	
165	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	
	Lĩnh vực Thương mại Quốc tế	
166	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	
167	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
168	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	
169	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
170	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
171	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	
172	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	
173	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	
174	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	
175	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	
176	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	
177	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	
178	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	
179	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	
180	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	
181	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	
182	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
183	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
184	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
185	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
186	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	
187	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
188	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
189	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
190	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
191	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
192	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	
193	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	
194	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	
195	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	
196	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	
197	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	
198	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	
199	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	
200	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	
201	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	
202	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	
203	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	
	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	
204	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	
205	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	
206	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	
207	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	
208	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	
209	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
210	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
211	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
212	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	
213	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	
	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	
214	Gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	
215	Cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
216	Cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	
217	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	
218	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	
219	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	
220	Cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	
221	Cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	
222	Cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	
223	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	
224	Cấp phép nhập khẩu mặt hàng có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh nhưng không phục vụ quốc phòng, an ninh	
225	Cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	
226	Cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	
227	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	
228	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	
229	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	
230	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	
231	Cấp Chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico	
232	Cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	
233	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương	
234	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương	
235	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	
236	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mặt ong tự nhiên sang Nhật Bản	
237	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VI	
238	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu D	
239	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu E	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
240	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AK	
241	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AJ	
242	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AI	
243	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AANZ	
244	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu S	
245	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu X	
246	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VJ	
247	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VC	
248	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VK	
249	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EAV	
250	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu A	
251	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi mẫu B	
252	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi)	
253	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)	
254	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu Peru	
255	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ	
256	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu Venezuela	
257	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập	
258	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa	
259	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cấp sau	
260	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)	
261	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) giáp lưng	
262	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	
263	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AHK	
264	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	
265	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1	
266	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA	
267	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu RCEP	
268	Cấp Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ (CNM)	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
269	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu GSTP	
270	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu BR9	
271	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	
272	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	
	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	
273	Thông báo hoạt động khuyến mại	
274	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	
275	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
276	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
277	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	
278	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	
279	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	
280	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	
281	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
282	Sửa đổi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
283	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
284	Gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
285	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng	
286	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	
287	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	
	Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng	
288	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	

7. SỔ TÀI CHÍNH

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Xác nhận chuyên gia (cấp tỉnh)	
2	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	
3	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	
4	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	
5	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	
6	Thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (cấp tỉnh)	
7	Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	
8	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	
9	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (Cấp tỉnh)	
10	Chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	
11	Điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	
12	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
13	Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	
14	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
15	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	
16	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	
17	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	
18	Cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
19	Ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
20	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
21	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
22	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
23	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
24	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	
25	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	
26	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
27	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	
28	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	
29	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	
30	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	
31	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	
32	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	
33	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	
34	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
35	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
36	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	
37	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	
38	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
39	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	thành viên trở lên	
40	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
41	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	
42	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
43	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	
44	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	
45	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	
46	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
47	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
48	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	
49	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	
50	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	
51	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	
52	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	
53	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	
54	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
55	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	
56	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	
57	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	
58	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	
59	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	
60	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	
61	Giải thể doanh nghiệp	
62	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	
63	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	
64	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
65	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	
66	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	
67	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	
68	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	
69	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	
70	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	
71	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	
72	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	
73	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	
74	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	
75	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
76	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	
77	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	
78	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	
79	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	
80	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV	
81	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi	
82	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương	
83	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	
84	Hiệp thương giá	
85	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	
86	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	
87	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	
88	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	
89	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	
90	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không người thừa kế	
91	Thủ tục hỗ trợ chi phí	

8. SỞ Y TẾ

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực mỹ phẩm	
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	
3	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	
4	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT- BYT	
5	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	
6	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	
7	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	
8	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	
9	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	
	Lĩnh vực dược phẩm	
10	Cung cấp thuốc phóng xạ	
11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền).	
12	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	
13	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	
14	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	
15	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	
16	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
17	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	
18	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc.	
	Lĩnh vực y dược cổ truyền	
19	Cấp giấy chứng nhận lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 3, 4 và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	
20	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Cơ quan chuyên môn y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
21	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Cơ quan chuyên môn y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
22	Thủ tục cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	
23	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	
	Lĩnh vực khám chữa bệnh	
24	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	
25	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	
26	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	
27	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	
28	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	
29	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	
30	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	
31	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	
32	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	
33	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	
34	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	
35	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	
	Lĩnh vực Đào tạo và Nghiên cứu khoa học	
36	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh	
	Lĩnh vực Tổ chức cán bộ	
37	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần	
38	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần	
	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng	
39	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	
40	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	
41	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	
42	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
43	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	
44	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	
45	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
46	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
47	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
48	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	
49	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	
50	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	
	Lĩnh vực Y tế dự phòng	
51	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	
52	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	
53	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	
54	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	
55	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	
56	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	
57	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
58	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	
59	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo khi có thay đổi vệtên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	
	Lĩnh vực Phòng bệnh	
60	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	
61	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	
62	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	
63	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn	
64	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất	
65	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm	
66	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	
67	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	
68	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	
69	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	
70	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	
71	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	
72	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	
73	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	
74	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	
75	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	phụ gia công hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất	
76	Đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	
77	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế nhập khẩu để nghiên cứu	
78	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ	
79	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng	
80	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu	
81	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	
82	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	
83	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	
84	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá	
85	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất)	
86	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá	
	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	
87	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	
88	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	
89	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	
90	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	
91	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	
92	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
93	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội	
94	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
95	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
96	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
97	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	
98	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	
	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	
99	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	

9. SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực tính ngưỡng, tôn giáo	
1	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung	
2	Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam	
3	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
4	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
5	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
6	Thủ tục đề nghị tự giải thể của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	
7	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	
8	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã thuộc một tỉnh	
9	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	
10	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	
11	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
12	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	
13	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	
14	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	
15	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh	
16	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác	
17	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	
18	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	
19	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
20	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	
21	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
22	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
23	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
24	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	

10. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	
1	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	
2	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	
3	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	
4	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	
5	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	
6	Thủ tục Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ	
7	Thủ tục Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư	
8	Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ	
9	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	
10	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	
11	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	
12	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	
13	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
14	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
15	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)	
16	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
17	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
18	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	công nghệ.	
19	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
20	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	
21	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	
22	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức	
23	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân	
24	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển	
25	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức.	
26	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân.	
27	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao	
28	Đề nghị thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài	
29	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	
30	Cấp Giấy phép thành lập lần đầu cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam	
31	Đề nghị thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài	
32	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	
33	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	
34	Thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	
35	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	
36	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	
37	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	
38	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
39	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	
40	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
41	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
42	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
43	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
44	Thủ tục đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	
45	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	
46	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
47	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
48	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	
49	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác (Cấp Tỉnh)	
50	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ	
51	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	
52	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.	
53	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.	
54	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
55	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	
56	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	
57	Cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao	
58	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh)	
	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ	
59	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	
60	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	
61	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	
62	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	
63	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	
64	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	
65	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	
66	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	
67	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	
68	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	
69	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	
70	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	
71	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	
72	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
73	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	
74	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
75	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	sở hữu công nghiệp	
76	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	
77	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
78	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
79	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
80	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
	Lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân	
81	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	
82	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	
83	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
84	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
85	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
86	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
87	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).	
88	Thủ tục cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	
89	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	
90	Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	
91	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	
92	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	
93	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	
94	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	
	Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	
95	Cấp giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân	
96	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	
97	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	
98	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	
99	Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	
100	Công bố sử dụng dấu định lượng	
101	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	
102	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	
103	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	
104	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	
105	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	
106	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	
107	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	
108	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	
109	Cấp đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	
110	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	
111	Cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	
112	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	
113	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	
114	Chấm dứt hiệu lực hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	
115	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	
116	Miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	
117	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	
118	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (cấp tỉnh)	
119	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (cấp tỉnh)	
120	Đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	
121	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	
122	Chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	
123	Điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	
124	Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	
125	Chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	
126	Điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	
127	Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	
128	Cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân (đối với các giải thưởng do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã - hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, Hội, Hiệp hội ở Trung ương, Sở	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố tổ chức)	
129	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn.	
130	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn.	
131	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	
132	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	
133	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	
134	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	
135	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	
136	Cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận	
137	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	
138	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	
139	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	
140	Cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo.	
141	Cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo	
	Lĩnh vực Viễn thông, Internet	
142	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	
143	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	
144	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	
145	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	
146	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	
147	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	
148	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	
149	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	
150	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
151	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
152	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
153	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	
154	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	
155	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	
156	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
157	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	
158	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	
159	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
160	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	
161	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	
162	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	
163	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	
164	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	
165	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
	Lĩnh vực tần số vô tuyến điện	
166	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	
167	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	
168	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	
169	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	
170	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.	
171	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	
172	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	với đài vô tuyến điện nghiệp dư.	
173	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.	
174	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế).	
175	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế).	
176	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế).	
177	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế).	
178	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	
179	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	
180	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	
181	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	
182	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư.	
183	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư.	
184	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải.	
185	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải.	
	Lĩnh vực bưu chính	
186	Cấp giấy phép bưu chính	
187	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bưu chính	
188	Cấp lại Giấy phép bưu chính khi hết hạn	
189	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	
190	Cấp văn bản xác nhận văn bản thông báo hoạt động bưu chính	
191	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	
192	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	

11. THANH TRA TỈNH

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực Tiếp công dân	
1	Tiếp công dân tại cấp tỉnh	
2	Tiếp công dân tại cấp xã	
	Lĩnh vực Xử lý đơn thư	
3	Xử lý đơn tại cấp tỉnh	
4	Xử lý đơn tại cấp xã	
	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại	
5	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	
6	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	
7	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	
	Lĩnh vực Giải quyết tố cáo	
8	Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	
9	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	

12. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực Hệ thống văn bản, chứng chỉ	
1	Cấp bản sao văn bản, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)	
2	Chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)	
	Lĩnh vực Giáo dục trung học	
3	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	

13. VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	
2	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	
3	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	
4	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BUƯ CHÍNH CÔNG ÍCH CẤP XÃ (TỈNH-XÃ)

1. LĨNH VỰC XÂY DỰNG (39 TTHC)

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực Hàng hải và đường thủy nội địa (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	
1	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	
2	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	
3	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	
4	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	
5	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	
8	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
9	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
12	Xóa đăng ký phương tiện	
	Lĩnh vực Đường bộ (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	
13	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	
14	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	
15	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	
16	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	
	Lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	
17	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập.	
18	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	
19	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	
20	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	
21	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	
	Lĩnh vực Hàng hải và đường thủy nội địa (cấp xã)	
22	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	
23	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
25	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
26	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	
27	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	
28	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	
29	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	
30	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	
31	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	
32	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	
	Lĩnh vực Nhà ở (cấp xã)	
33	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	
	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng (cấp xã)	
34	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	
35	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	
36	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	
37	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	
38	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	
39	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	

2. LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (09 TTHC)

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	A. Văn hóa	
	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	
1	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	
2	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	
	Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	
3	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
4	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
5	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
6	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực Gia đình	
7	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã của cơ quan tổ chức cá nhân	
8	Thủ tục huỷ bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	
	B. THẺ DỤC THỂ THAO	
9	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	

3. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (57 TTHC)

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực Giảm nghèo	
1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	
2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	
3	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	
4	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	
5	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	
	Lĩnh vực Đề điều và phòng, chống thiên tai	
6	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	
7	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	
	Lĩnh vực Thủy lợi	
8	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	
9	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	
10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
11	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	
12	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	
13	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	
14	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	
	Lĩnh vực Trồng trọt	
15	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	
	Lĩnh vực chăn nuôi thú y	
16	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	
17	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitor lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	
18	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	
	Lĩnh vực Thủy sản	
19	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	
20	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	
21	Công bố mở cảng cá loại 3	
	Lĩnh vực kinh tế hợp tác và PTNT	
22	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	
	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
23	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	
24	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	
25	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	
26	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
27	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	
28	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	
29	Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của ban nhân dân cấp xã	
	Lĩnh vực KHCN, Nông nghiệp	
30	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	
	Lĩnh vực Biển và Hải đảo	
31	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
32	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
33	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
34	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
35	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	
36	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	
37	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã)	
	Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm	
38	"Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	
	Lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu	
39	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển	
	Địa chất khoáng sản	
40	Cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	
41	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
	Lĩnh vực Đất đai	
42	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	
43	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	
44	Hòa giải tranh chấp đất đai	
45	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	
46	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	
47	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	
48	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất.	
49	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	
50	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	
51	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	
52	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	
53	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
54	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	
55	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận.	
56	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	
57	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	

4. LĨNH VỰC NỘI VỤ (20 TTHC)

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực người có công	
1	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	
2	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	
	Lĩnh vực việc làm	
3	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.	
4	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động.	
	Lĩnh vực quản lý nhà nước về Hội	
5	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	
6	Thủ tục thành lập hội	
7	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường của hội	
8	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	
9	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	
10	Thủ tục tự giải thể	
11	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	
12	Thủ tục hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	
	Lĩnh vực quản lý nhà nước về Quỹ	
13	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ	
14	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	

15	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	
16	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	
17	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	
18	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	
19	Thủ tục quỹ tự giải thể	
	Lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước	
20	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	

5. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG (17 TTHC)

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực Cụm công nghiệp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	
1	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	
	Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (cấp xã)	
2	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	
	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương (cấp xã)	
3	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	
	Lĩnh vực Kinh doanh khí (cấp xã)	
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
6	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (cấp xã)	
7	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
8	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
9	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
10	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	
11	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	
12	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	
13	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
14	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
15	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
	Lĩnh vực Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư quản lý (cấp xã)	
16	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	
17	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	

6. LĨNH VỰC DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO (11 TTHC)

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực công tác dân tộc	
1	Công nhận danh sách người có uy tín	
2	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	
	Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo	
3	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	
4	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
5	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	
6	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	
7	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	
8	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	
9	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	
10	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	
11	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	

7. LĨNH VỰC TƯ PHÁP (33 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Thủ tục Đăng ký khai sinh	
2	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	
3	Thủ tục Đăng ký lại khai sinh	
4	Thủ tục Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	
5	Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con	
6	Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
7	Thủ tục Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	
8	Thủ tục Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
9	Thủ tục Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
10	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
11	Thủ tục Đăng ký kết hôn	
12	Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	
13	Thủ tục Đăng ký lại kết hôn	
14	Thủ tục Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	
15	Thủ tục Đăng ký khai tử	
16	Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	
17	Thủ tục Đăng ký lại khai tử	
18	Thủ tục Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	
19	Thủ tục Đăng ký giám hộ	
20	Thủ tục Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	
21	Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ	
22	Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	
23	Thủ tục Đăng ký giám sát việc giám hộ	
24	Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	
25	Thủ tục Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	
26	Thủ tục Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	
27	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
28	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
29	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	
30	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
31	Thủ tục Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	
32	Thủ tục Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	
33	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	

8. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	
3	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	
4	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	
5	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	
6	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	
7	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	
8	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	
9	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế	
10	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	
11	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	
12	Đề nghị thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	
13	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	
14	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	
15	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	
16	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	
17	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	
18	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
19	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	
20	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
21	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	
22	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
23	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	
24	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
25	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
26	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
27	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	
28	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	
29	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	
30	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
31	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	
32	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
33	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
34	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
35	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
36	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
37	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
38	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	
39	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	
40	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
41	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG THỰC HIỆN
TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH
CÔNG ÍCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC TƯ PHÁP: 16 TTHC	
A	SỞ TƯ PHÁP (03 TTHC)	
1	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	
2	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	
3	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	
B	UBND CẤP XÃ (13 TTHC)	
1	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	
2	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
3	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	
4	Thủ tục chứng thực di chúc	
5	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
6	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
7	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
8	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	
9	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
10	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
11	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	
12	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	
13	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	
II	LĨNH VỰC XÂY DỰNG: 19 TTHC	
A	SỞ XÂY DỰNG (18 TTHC)	
	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng	
1	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	
2	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	
	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật	
3	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	
	Lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa	
4	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	
5	Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	
6	Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	
	Lĩnh vực đường bộ	
7	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	
8	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	
9	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	
10	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
11	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	
12	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	
13	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)	
14	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	
	Lĩnh vực Đăng kiểm	
15	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong trường hợp còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin	
16	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu	
17	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng	
18	Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	
B	UBND CẤP XÃ (01 TTHC)	
1	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	
III	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG: 10 TTHC	
A	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (10 TTHC)	
	Lĩnh vực Thủy sản	
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng	
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng	
	Lĩnh vực Biển và Hải đảo	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
3	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu	
4	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử	
5	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển (cấp tỉnh)	
6	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển	
7	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học	
8	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học	
	Lĩnh vực Thú y	
9	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	
10	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	
TỔNG CỘNG: 45 TTHC		